

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 21/2023/DS-ST

Ngày: 23 - 02 - 2023

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Quang Trí.
- Bà Ngô Thị Ngọc Cúc.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Trương Phi – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Ngày 23 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 371/2022/TLST-DS ngày 15 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2023/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1952; vắng mặt.

Địa chỉ: Số 14/8, khóm Đông Thạnh A, phường Mỹ Thạnh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lâm Tú Hào, sinh năm 1997. Địa chỉ: Số 1238, ấp 1, xã Tân Mỹ, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. Là người đại diện theo ủy quyền. Giấy ủy quyền số 2967, Quyền số 11/2022/TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 10/11/2022 của Phòng công chứng số 1 tỉnh An Giang; vắng mặt; có Đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1970; vắng mặt.

2.2. Bà Văn Kim C (Văng Kim C), sinh năm 1970; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Số 28/3, khóm Đông Thạnh A, phường Mỹ Thạnh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 10/11/2022, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Phạm Văn Đ do người đại diện hợp pháp của ông Đ là bà Lâm Tú Hảo trình bày:

Do mối quan hệ quen biết nên ông có cho vợ chồng ông Nguyễn Văn H và bà Văn Kim C vay tiền nhiều lần; tính đến ngày 10/11/2019, tổng số tiền cho vay là 150.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng, thời hạn trả 12 tháng. Sau khi vay, do bị đơn không trả lãi đến ngày 11/3/2022, theo yêu cầu của ông thì bà C có làm Giấy xác nhận thừa nhận có nợ ông số tiền nêu trên. Tuy nhiên cho đến nay, bị đơn vẫn tiếp tục không trả vốn, không trả lãi mặc cho ông nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở nên ngày 10/11/2022, ông đã khởi kiện yêu cầu ông H bà C cùng chịu trách nhiệm liên đới trả dứt số tiền vay còn nợ là 150.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi triệu đồng*) cùng lãi phát sinh theo quy định từ ngày 10/11/2019 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm.

Quá trình giải quyết vụ án, nhận thấy việc yêu cầu tính lãi từ ngày 10/11/2019 là không có cơ sở, vì vậy vào ngày 22/02/2023, ông có đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với thời gian tính lãi phát sinh; chỉ yêu cầu bị đơn trả lại số tiền vay vốn gốc còn nợ là 150.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi triệu đồng*) và yêu cầu tính lãi phát sinh từ ngày bị đơn viết Giấy nhận nợ là ngày 11/3/2022 đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Bị đơn ông Nguyễn Văn H và bà Văn Kim C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án nhưng vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; đồng thời ông H bà C đã được triệu tập hợp lệ đến tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ hai; được triệu tập hợp lệ đến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, không rõ lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ông Phạm Văn Đ khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn H và bà Văn Kim C cùng có nghĩa vụ liên đới thanh toán số tiền vay còn nợ nên quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự;

[1.2] Ông H, bà C với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại số 28/3, khóm Đông Thạnh A, phường Mỹ Thạnh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang;

[1.3] Ông H bà C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông H bà C là phù hợp điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.4] Nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với thời gian tính lãi phát sinh từ ngày 10/11/2019; chỉ yêu cầu tính lãi từ ngày 11/3/2022 nên Tòa án đình chỉ giải quyết theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự;

[1.5] Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Lâm Tú Hảo có Đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà Hảo là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Ông Phạm Văn Đ khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn H và bà Văn Kim C phải có trách nhiệm liên đới trả dứt số tiền vay còn nợ vốn gốc là 150.000.000 đồng và lãi phát sinh tính từ ngày 11/3/2022 đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử. Chứng minh cho yêu cầu của mình, ông Đ cung cấp bản chính Giấy nhận nợ ngày 11/3/2022 có chữ ký và ghi họ tên của bà Văn Kim C. Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và gửi các văn bản tố tụng theo quy định nhưng bị đơn là ông H bà C vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không tham dự phiên tòa để đối chiếu cũng như đối chất về khoản nợ với nguyên đơn; không cung cấp bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, lời trình bày và Giấy nhận nợ ngày 11/3/2022 mà nguyên đơn cung cấp là cơ sở để Tòa án xem xét giải quyết vụ án. Nhận thấy tại Giấy xác nhận nợ chỉ một mình bà C ký nhận mà không thể hiện ông H cùng ký, đồng thời nguyên đơn cũng không chứng minh được giữa ông H và bà C là vợ chồng cũng như đây là khoản nợ mà bà C vay trong thời kỳ hôn nhân và phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình. Vì vậy, mặc dù ông H bà C cùng từ bỏ nghĩa vụ chứng minh của mình nhưng căn cứ chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp chỉ đủ căn cứ xác định việc ông Đ cho bà C vay số tiền 150.000.000 đồng vào ngày 11/3/2022 đến nay vẫn chưa thanh toán là có thật nên chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện còn lại của nguyên đơn buộc một mình bà C có nghĩa vụ thanh toán nợ mà không buộc ông H cùng chịu trách nhiệm liên đới là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 466, khoản 1 Điều 468 và 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài yêu cầu thanh toán vốn gốc, nguyên đơn còn có yêu cầu tính lãi phát sinh; xét thấy yêu cầu này phù hợp khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 nên được HĐXX chấp nhận. Số tiền lãi phát sinh được tính cụ thể như sau:

Từ ngày 11/3/2022 đến ngày 23/02/2023 là 11 tháng 12 ngày x 20%/năm x 150.000.000 đồng = 28.505.700 đồng, làm tròn 28.506.000 đồng (*Hai mươi tám triệu năm trăm lẻ sáu nghìn đồng*).

Như vậy, tổng vốn và lãi là 150.000.000 đồng + 28.506.000 đồng = 178.506.000 đồng (*Một trăm bảy mươi tám triệu năm trăm lẻ sáu nghìn đồng*); trong đó vốn gốc là 150.000.000 đồng và lãi phát sinh là 28.506.000 đồng.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì:

Ông H bà C phải có trách nhiệm liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch đối với nghĩa vụ trả nợ là 178.506.000 đồng $\times$ 5% = 8.925.300 đồng, làm tròn 8.925.000 đồng (*Tám triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng*).

Ông Phạm Văn Đ thuộc trường hợp người cao tuổi có Đơn xin miễn tạm ứng án phí và án phí Tòa án nên ông Đ được miễn theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 244; Điều 266; Điều 271; Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 463; Điều 466; khoản 1, khoản 2 Điều 468 và Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn Đ về việc buộc bị đơn là ông Nguyễn Văn H bà Văn Kim C (Văng Kim C) phải có nghĩa vụ liên đới trả Lãi phát sinh từ ngày 10/11/2019.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn Đ về việc buộc ông Nguyễn Văn H bà Văn Kim C (Văng Kim C) cùng có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay vốn gốc 150.000.000 đồng.

3. Chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện còn lại của ông Phạm Văn Đ. Buộc bà Văn Kim C (Văng Kim C) phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông Phạm Văn Đ tổng vốn và lãi là 178.506.000 đồng (*Một trăm bảy mươi tám triệu năm trăm lẻ sáu*

ngàn đồng); trong đó vốn gốc là 150.000.000 đồng và lãi phát sinh là 28.506.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông H bà C phải có trách nhiệm liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch đối với nghĩa vụ trả nợ là 8.925.000 đồng (*Tám triệu chín trăm hai mươi lăm ngàn đồng*).

Ông Phạm Văn Đ thuộc trường hợp người cao tuổi có Đơn xin miễn tạm ứng án phí và án phí Tòa án nên ông Đ được miễn theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND Tp. Long Xuyên;
- CC THADS Tp. Long Xuyên;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Xuân Thu